

Số: 3186/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh giao chỉ tiêu thực hiện bảo hiểm y tế năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13/6/2014;

Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012-2020;

Căn cứ Quyết định số 1167/QĐ-TTg ngày 28/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh giao chỉ tiêu thực hiện bảo hiểm y tế giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 05/3/2014 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh tại Công văn số 2100/BHXH-KT&TN ngày 17/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh chỉ tiêu bao phủ bảo hiểm y tế năm 2019 đã giao tại Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 05/3/2014 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp năm 2019 như biểu kèm theo;

Điều 2. Giao Bảo hiểm xã hội tỉnh chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, đoàn thể liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính; Y tế; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh giao chỉ tiêu thực hiện bảo hiểm y tế năm 2019. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BHXH Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
 - + CVP, PCVP (Đ/c An);
 - + Phòng TH;
- Lưu: VT, KGVX (H^TN-30b)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



H'Yim Kđoh

CHỈ TIÊU BAO PHỦ BHYT NĂM 2019 GIAO CHO CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số 3186/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk)



TT	Huyện, thị xã, thành phố	Dân số trung bình	Số người tham gia	Tỷ lệ bao phủ (%)	Ghi chú
1	Thành phố Buôn Ma Thuột	375.590	302.070	80,43	
2	Huyện Krông Ana	79.892	74.000	92,63	
3	Huyện Ea Kar	144.450	129.000	89,30	
4	Huyện M'Đrăk	72.153	72.153	100,00	
5	Huyện Krông Bông	92.064	92.064	100,00	
6	Huyện Cư M'gar	177.622	151.150	85,10	
7	Huyện Lắk	69.885	69.150	98,95	
8	Huyện Krông Pắc	194.607	167.200	85,92	
9	Huyện Ea H'leo	136.880	117.250	85,66	
10	Huyện Krông Năng	126.366	111.530	88,26	
11	Huyện Krông Búk	64.859	58.300	89,89	
12	Huyện Ea Súp	70.724	68.850	97,35	
13	Huyện Buôn Đôn	64.251	61.050	95,02	
14	Huyện Cư Kuin	101.247	86.150	85,09	
15	Thị xã Buôn Hồ	98.732	72.000	72,92	
Tổng cộng		1.869.322	1.631.917	87,30	

Handwritten signature or mark.